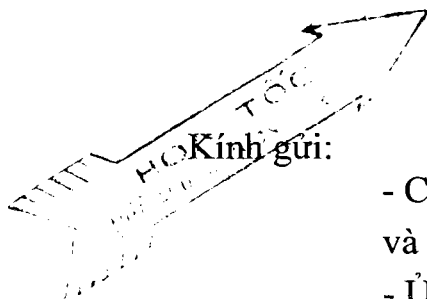


BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 916 /BKHĐT-TH
V/v thông báo số kiểm tra
kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn
NSNN giai đoạn 2016-2020

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016



- Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
 - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội;
 - Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số kiểm tra kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các Bộ, ngành trung ương và địa phương) dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo số kiểm tra và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn như sau:

I. SỐ KIỂM TRA KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015 về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số kiểm tra kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 tại Phụ lục kèm theo, bao gồm số vốn kế hoạch năm

2016 đã được Quốc hội thông qua (các Bộ, ngành trung ương và địa phương đã phân bổ danh mục dự án cho các đơn vị triển khai trong năm 2016).

Riêng đối với số vốn đầu tư trong cân đối của ngân sách địa phương, đề nghị rà soát lại số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và số thu xổ số kiến thiết phù hợp với khả năng thu của địa phương trong giai đoạn 2016 - 2020 (do số vốn thông báo từ 2 nguồn thu này mới là tập hợp sơ bộ của các địa phương).

Số vốn kiểm tra giai đoạn 2016 - 2020 nêu trên là số tạm tính, số vốn kế hoạch chính thức sẽ được giao trên cơ sở dự kiến phương án phân bổ của các Bộ, ngành trung ương, địa phương theo yêu cầu tại văn bản này và ý kiến thảo luận của Chính phủ, Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NSNN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020

Trên cơ sở số kiểm tra được thông báo tại Mục I nêu trên, các Bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến phương án phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch được thông báo cho từng dự án; không phân bổ 10% số vốn dự phòng (số dự phòng này để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn hoặc để chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch).

Dự kiến phương án phân bổ 90% tổng số vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

a) Phải nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của



Chính phủ, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

d) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

đ) Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình của Bộ, ngành trung ương và địa phương trong giai đoạn 2016-2020 theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP);

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 55 của Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ. Trong đó, lưu ý chỉ được bố trí khởi công mới khi đã bố trí đủ vốn kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 để thanh toán số nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn trả các khoản vốn ứng trước theo quy định tại Nghị quyết số 62/NQ-CP và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Lưu ý: Danh mục dự án đã bố trí kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 đã được cấp có thẩm quyền giao phải thuộc danh mục dự án sử dụng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và mức vốn kế

hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 bố trí cho từng dự án không thấp hơn mức vốn kế hoạch năm 2016.

e) Về bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước:

- Đối với Bộ, ngành trung ương và địa phương có số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước không lớn, phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi các khoản ứng trước; phần còn lại bố trí vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp. Số vốn còn lại (nếu có) mới cho phép bố trí khởi công các dự án mới.

- Đối với Bộ, ngành trung ương và địa phương có số nợ đọng xây dựng cơ bản và số ứng trước lớn (kế hoạch đầu tư trung hạn nếu bố trí đủ để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước, sẽ không còn nguồn để đối ứng các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp), yêu cầu Bộ, ngành trung ương và địa phương:

+ Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với địa phương, nếu trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương không cân đối đủ, cho phép địa phương sử dụng nguồn tăng thu cân đối ngân sách địa phương hằng năm (sau khi đã bố trí chi để cải cách tiền lương) để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với địa phương không có nguồn tăng thu cân đối ngân sách địa phương, phải huy động các nguồn vốn khác, như xổ số kiến thiết và các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Địa phương phải xây dựng phương án cụ thể số vốn trả nợ đọng từ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương và số vốn trả nợ đọng từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Bố trí vốn để thanh toán khoảng 50% số vốn ứng trước theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

Số vốn còn lại bố trí vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp. Không được bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để khởi công mới các dự án, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trong quá trình điều hành, nếu có tăng thu ngân sách trung ương, ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương để thu hồi dứt điểm các khoản ứng trước của Bộ, ngành trung ương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp sử dụng một phần số tăng thu cân đối ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản vốn ứng trước; sau khi thanh toán dứt điểm số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước, mới được phép sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới.

g) Việc bố trí vốn nước ngoài (ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ) và vốn đối ứng thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chi bố trí vốn nước ngoài (ODA) kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án ODA thuộc đối tượng cấp phát từ ngân sách trung ương và có nguồn vốn cấp của nhà tài trợ chưa giải ngân (bao gồm cả phần vốn ngân sách trung ương cấp theo Hiệp định và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền của các dự án ODA hỗn hợp). Đối với dự án chuyển tiếp, phải được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch giai đoạn trước và kế hoạch năm 2016 nhưng chưa giải ngân hết số vốn cam kết của nhà tài trợ.

- Số vốn ODA kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 cho từng dự án không vượt quá số vốn ODA cấp phát nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại các hiệp định đã ký kết hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng cấp vốn của nhà tài trợ trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Ưu tiên bố trí cho các chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ đang triển khai dở dang, có hiệu quả. Các dự án chuyển tiếp nếu thấy không hiệu quả, phải nghiên cứu dừng việc triển khai thực hiện để rà soát, phân tích kỹ lưỡng, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

- Đối với các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020 phải kiểm soát chặt chẽ về sự cần thiết, chỉ thực hiện các dự án thực sự hiệu quả; phù hợp với khả năng giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo các hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ và các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tiến độ triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020. Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn cho các dự án khởi công mới khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa có cam kết với các nhà tài trợ hoặc không thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách trung ương.

- Việc bố trí vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải thực hiện theo các hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án hoàn thành, các dự án chuyển tiếp quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả. Các địa phương phải cân đối đủ ngân sách của cấp mình để bố trí vốn đối ứng cho các dự án theo đúng cam kết với nhà tài trợ.

h) Về vốn chuẩn bị đầu tư: được cân đối trong tổng số vốn được thông báo theo ngành, lĩnh vực, chương trình. Các Bộ, ngành trung ương và địa phương ưu tiên bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư cho từng dự án cụ thể; bảo đảm các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hằng năm có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Dự kiến danh mục dự án bố trí kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ các nguyên tắc, số vốn thông báo tại Mục I nêu trên, đề nghị các Bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến phương án phân bổ chi tiết 90% kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 với các nội dung sau:

a) Dự kiến danh mục và mức vốn nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 cho từng dự án theo các biểu mẫu số I, II kèm theo.

b) Các địa phương rà soát, cập nhật, dự kiến kế hoạch đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn thu sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết (chỉ tính cho giai đoạn 2017 - 2020 được đưa vào dự toán thu ngân sách địa phương, không tính số thu năm 2016 do chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương).

c) Dự kiến các kết quả đạt được và các tồn tại hạn chế trong phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến và gửi bằng văn bản phương án phân bổ chi tiết cho từng dự án đối với nguồn vốn ngân sách trung ương về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2 bản), Bộ Tài chính và qua thư điện tử theo địa chỉ thktqd@mpi.gov.vn.

2. Thời gian gửi báo cáo: trước ngày 25 tháng 02 năm 2016.

3. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo TTg);
- Bộ Tài chính
- Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Các đơn vị trong Bộ (danh sách kèm theo);
- Lưu: VT, Vụ TH (5 bản).



www.LuatVietnam.vn



Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Phụ lục

**THÔNG BÁO SƠ KIỂM TRA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Phụ lục kèm theo văn bản số 916/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài ⁽¹⁾
	TỔNG SỐ	5.812.024	4.293.000	1.519.024
A	TỔNG SỐ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG DỰ KIẾN PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)	5.230.822	3.863.700	1.367.122
	Trong đó kế hoạch năm 2016 đã được Quốc hội thông qua (Các bộ, ngành trung ương đã phân bổ danh mục chi tiết)	485.100	460.100	25.000
I	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC	5.077.822	3.710.700	1.367.122

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài ⁽¹⁾
1	Truyền thông	67.500	67.500	
2	Khoa học, công nghệ	301.950	301.950	
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	1.747.372	380.250	1.367.122
4	Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm	243.000	243.000	
5	Xã hội	2.358.000	2.358.000	
6	Quản lý nhà nước (Bộ, ngành trung ương)	360.000	360.000	
II	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	153.000	153.000	
1	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động	130.500	130.500	
2	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin	22.500	22.500	

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài ⁽¹⁾
B	DỰ PHÒNG CHỮA PHÂN BỐ (10%)	581.202	429.300	151.902

¹ Ghi chú: Vốn nước ngoài (ODA) giải ngân theo đúng kế hoạch được giao

www.LuatVietnam.vn

Biểu mẫu số 1

(Áp dụng cho các bộ, ngành Trung ương)

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 916/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH 2012, 2013			Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 ⁽¹⁾		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020				Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Kế hoạch năm 2016 đã được cấp có thẩm quyền quyết định				Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
																	Thu hồi các khoản ứng trước NSNN			Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSNN		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước NSNN		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	21	22	23	24	25	26	27	28	25	26	27	28	29	
TỔNG SỐ																												
A ĐÀU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC																												
1	Ngành, lĩnh vực ...																											
Chuẩn bị đầu tư																												
1	Dự án ...																											
.....																												
Thực hiện dự án																												
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020																											
a	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015																											
1	Dự án ...																											
.....																												
b	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																											

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 ⁽¹⁾		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2016 đã được cấp có thẩm quyền quyết định			Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSNN		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB
	<i>Trong đó:</i>																									
	<i>- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020</i>																									
1	Dự án ...																									
																									
	<i>- Dự án hoàn thành sau năm 2020</i>																									
1	Dự án ...																									
																									
c	<i>Dự án giãn hoãn tiến độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư</i>																									
	<i>- Dự án giãn hoãn tiến độ thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý</i>																									
1	Dự án ...																									
																									
	<i>- Dự án chuyển đổi hình thức đầu tư</i>																									
1	Dự án ...																									
																									
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																									

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH 2012, 2013		Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lũy kế số vốn bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2015 ⁽¹⁾		Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020			Kế hoạch năm 2016 đã được cấp có thẩm quyền quyết định			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	
																Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản ứng trước NSNN	Thanh toán nợ XDCB
	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020																									
I	Dự án ...																									
																									
	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020																									
I	Dự án ...																									
																									
II	Ngành, lĩnh vực ...																									
	Phân loại như mục I phần A nêu trên																									
B	ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU																									
I	Chương trình....																									
	Phân loại như mục I phần A nêu trên																									
II	Chương trình....																									
	Phân loại như mục I phần A nêu trên																									

Ghi chú: (1) Lũy kế số vốn đã bỏ tri đến hết kế hoạch năm 2015, bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm số vốn ứng trước chưa bỏ tri kế hoạch để thu hồi.

Biểu mẫu số 11

(Áp dụng cho các bộ, ngành Trung ương)

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 916/BKHĐT-TH ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012, 2013							Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi công đến hết năm 2015 ⁽¹⁾				Lũy kế giải ngân từ khi công đến hết ngày 31/01/2016				Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020					Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020					Kế hoạch năm 2016 đã được cấp có thẩm quyền quyết định					Ghi chú														
					Số quyết định	TMDT						Số quyết định	TMDT					Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:					Trong đó:																							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Vốn đối ứng ⁽²⁾						Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽¹⁾	Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Vốn đối ứng ⁽²⁾					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Vốn đối ứng ⁽²⁾				Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Vốn đối ứng ⁽²⁾					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Vốn đối ứng ⁽²⁾																						
							Tông số ⁽¹⁾	Trong đó:		Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tông số ⁽¹⁾	Trong đó:		Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tông số ⁽¹⁾	NSNN	TPCP	Các nguồn vốn khác		Tông số ⁽¹⁾	NSNN	TPCP	Các nguồn vốn khác	Tông số ⁽¹⁾		NSNN	TPCP	Các nguồn vốn khác	Tông số ⁽¹⁾	NSNN	TPCP	Các nguồn vốn khác	Tông số ⁽¹⁾		NSNN	TPCP	Các nguồn vốn khác											
								NSNN	Các nguồn vốn khác							NSNN	Các nguồn vốn khác																											NSNN	Các nguồn vốn khác	NSNN	Các nguồn vốn khác	NSNN	Các nguồn vốn khác	NSNN	Các nguồn vốn khác	NSNN	Các nguồn vốn khác	NSNN
TỔNG SỐ																																																						
I Ngành, lĩnh vực.....																																																						
(1) Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020																																																						
a Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2015																																																						
1 Dự án																																																						
b Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020																																																						
Trong đó:																																																						
- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020																																																						
1 Dự án																																																						
- Dự án hoàn thành sau năm 2020																																																						
1 Dự án																																																						
c Dự án giãn hoãn tiến độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư																																																						
- Dự án giãn hoãn tiến độ thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý																																																						
1 Dự án																																																						
- Dự án chuyển đổi hình thức đầu tư																																																						
1 Dự án																																																						
(2) Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																																																						
- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020																																																						
1 Dự án																																																						
- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020																																																						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch 2012, 2013				Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 ⁽⁴⁾				Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016				Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020				Dự kiến kế hoạch 5 năm 2016-2020				Kế hoạch năm 2016 đã được cấp có thẩm quyền quyết định				Ghi chú
					Số quyết định				Số quyết định				Số quyết định				Số quyết định				Số quyết định				Số quyết định								
					TMĐT				TMĐT				Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:				Trong đó:								
					Trong đó:				Trong đó:				Vốn đối ứng ⁽²⁾				Vốn đối ứng ⁽²⁾				Vốn đối ứng ⁽²⁾				Vốn đối ứng ⁽²⁾								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾		Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽³⁾		Số quyết định		Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾		Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) ⁽³⁾		Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾		Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) ⁽³⁾		Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾		Vốn đối ứng ⁽²⁾		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) ⁽³⁾		Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾		
Tổng số ⁽¹⁾		Trong đó:		Tỉnh/Quỹ đối ra tiền Việt				Tổng số ⁽¹⁾		Trong đó:		Tỉnh/Quỹ đối ra tiền Việt		Tổng số ⁽¹⁾		Trong đó:		Tỉnh/Quỹ đối ra tiền Việt		Tổng số ⁽¹⁾		Trong đó:		Tỉnh/Quỹ đối ra tiền Việt		Tổng số ⁽¹⁾		Trong đó:		Tỉnh/Quỹ đối ra tiền Việt			
NSNN		Các nguồn vốn khác						NSNN		Các nguồn vốn khác				NSNN		Các nguồn vốn khác				NSNN		Các nguồn vốn khác				NSNN		Các nguồn vốn khác					
Tổng số		Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước						Tổng số		Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước				Tổng số		Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước				Tổng số		Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước				Tổng số		Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước					
NSNN		TPCP						NSNN		TPCP				NSNN		TPCP				NSNN		TPCP				NSNN		TPCP					
I	Dự án																																
II	Ngành, lĩnh vực.....																																
	Phân loại như mục I nếu trên																																

Ghi chú

- (1) Tổng vốn là tổng số tất cả nguồn vốn.
- Đối với tổng số vốn của dự án là vốn trong nước và vốn nước ngoài;
- Tổng số vốn đối ứng là tổng số tất cả các nguồn vốn trong nước đối ứng cho dự án.
- (2) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng.
- (3) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt Nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt Nam đồng quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm ký kết Hiệp định. Phần vốn bỏ trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt Nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.
- (4) Lũy kế số vốn đã bỏ trí đến hết kế hoạch năm 2015, bổ sung tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm số vốn ứng trước chưa bố trí kế hoạch để thu hồi.